| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 15/2019/KDTM-PT
Ngày 26-9-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Vũ Thị Thu Hà

*Các Thẩm phán*: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Bà Lương Thị Hải Hà

***- Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Hồng Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2019/TLPT-KDTM ngày 08 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3352/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3703/2019/QĐ-PT ngày 09 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần SG-HN (viết tắt là SB), địa chỉ trụ sở: Số 77 THĐ, phường THĐ, quận HK, Thành phố Hà Nội; chi nhánh: Ngân hàng Thương mại Cổ phần SG-HN - chi nhánh Hải Phòng, địa chỉ trụ sở: Số 15 đường LKT, phường LKT, quận NQ, thành phố hải Phòng.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*: Ông Đào Việt A, địa chỉ cư trú: Thôn CT, xã NS, huyện AD, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 226/UQ-TGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2017); có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH HBM (viết tắt là Công ty HBM), địa chỉ trụ sở: Thôn HL, xã HP, huyện AD, thành phố Hải Phòng.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn*: Ông Phạm Văn H, chức vụ: Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Phạm Văn H, trú tại thôn HL, xã HP, huyện AD, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Viện Kiểm sát kháng nghị*: Viện Kiểm sát nhân thành phố Hải Phòng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tóm tắt nội dung, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm:

*Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn trình bày:*

Ngày 29/8/2011, Ngân hàng Thương mại Cổ phần SG-HN (viết tắt là SB, tên gọi cũ là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội) và Công ty Hưng Bình Binh đã ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 280110811101/HĐTD-HM/2011 ngày 29/8/2011. Nội dung hợp đồng thể hiện:...SB cho Công ty HBM vay số tiền là 4.000.000.000 đồng; mục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng: Gạch ngói các loại, thiết bị vệ sinh...; thời hạn cho vay là 12 tháng, thời hạn mỗi khoản vay trong hạn mức 04 tháng, kể từ ngày giải ngân, kỳ trả lãi 23 hàng tháng; lãi suất cho vay trong hạn: 23,5%/năm, điều chỉnh lãi suất 01 tháng/lần kể từ ngày giải ngân, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn...

Tài sản đảm bảo của khoản vay trên gồm: Quyền sử dụng 1.548m$^2$ đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 353, tờ bản đồ số 30 tại thôn HL, xã HP, huyện AD, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB165184, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH.00003 do Uỷ ban nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng cấp ngày 15/6/2010 cho ông Phạm Văn H; Quyền sử dụng 362,1m$^2$ đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 90A, tờ bản đồ số 53 tại tổ 1, khu CL, phường HV, quận HB, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AD326459, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H.02248/QSDĐ/HB-2006 do Uỷ ban nhân dân quận HB, thành phố Hải Phòng cấp ngày 18/10/2006 cho Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị H. Các tài sản thế chấp trên đã được các bên thỏa thuận ký kết hợp đồng thế chấp tài sản theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngân hàng đã giải ngân 05 lần cho Công ty HBM vay tổng số tiền là 4.600.000.000 đồng tại các giấy nhận nợ, cụ thể: Tại các giấy nhận nợ số 280110811101-1 ngày 30/8/2011 là 1.600.000.000 đồng; số 280110811101-2 ngày 21/12/2011 là 400.000.000 đồng; số 280110811101-3 ngày 22/12/2011 là 200.000.000 đồng; số 280110811101-4 ngày 29/12/2011 là 1.600.000.000 đồng và số 280110811101-5 ngày 10/01/2012 là 800.000.000 đồng.

Công ty HBM đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền vay tại các giấy nhận nợ ngày 30/8/2011, ngày 21/12/2011, ngày 22/12/2011 nhưng đã vi

phạm nghĩa vụ trả nợ tại các giấy nhận nợ ngày 29/12/2011 và ngày 10/01/2012 nên khoản vay đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 02/5/2012. Ngày 29/9/2014 Công ty HBM đã trả được một phần nợ cho SB nên SB đã giải chấp đối với 01 tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng 362,1m$^2$ đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 90A, tờ bản đồ số 53 tại thôn tổ 1, khu CL, phường HV, quận HB, thành phố Hải Phòng cho ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị H.

Tính đến hết ngày 15/9/2018 Công ty HBM đã trả SB tổng số tiền là 1.855.905.200 đồng, trong đó nợ gốc 1.600.000.000 đồng, lãi trong hạn 193.611.296 đồng, lãi quá hạn 61.883.300 đồng và lãi phạt 410.600 đồng. SB đã nhiều lần đôn đốc Công ty HBM thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng Công ty HBM không trả nợ nên SB đã khởi kiện yêu cầu Công ty HBM trả số tiền còn nợ tính đến hết ngày 15/9/2018 là 4.698.013.332 đồng, trong đó nợ gốc 800.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn 3.050.657.416 đồng, lãi chậm trả lãi 8.355.916 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 16/9/2018 theo Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết cho đến khi trả xong nợ. Đến ngày 28/3/2019, Công ty HBM đã trả SB số tiền 850.000.000 đồng, trong đó nợ gốc là 800.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn 50.000.000 đồng và SB đã giải chấp đối với tài sản bảo đảm là quyền sử dụng 1.548m$^2$ đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 353, tờ bản đồ số 30 tại thôn HL, xã HP, huyện AD, thành phố Hải Phòng cho ông Phạm Văn H.

Tính đến ngày 08/4/2019, Công ty HBM đã trả SB tổng số tiền vay tại các giấy nhận nợ ngày 29/12/2011 và 10/01/2012 là 2.705.905.196 đồng, trong đó: Nợ gốc 2.400.000.000 đồng, lãi và phí là 305.905.196 đồng. Công ty HBM đã trả xong toàn bộ nợ gốc, một phần nợ lãi và còn nợ SB số tiền tính đến hết ngày 20/6/2019 là 4.121.621.319 đồng, trong đó: lãi trong hạn, lãi quá hạn theo các giấy nhận nợ là 3.146.141.608 đồng và lãi phạt chậm trả lãi 975.479.707 đồng.

Công ty HBM không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết tại Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký nên SB khởi kiện Công ty HBM đề nghị Tòa án:

1. Buộc Công ty HBM phải trả cho SB toàn bộ khoản nợ lãi quá hạn tính đến hết ngày 20/6/2019 theo Hợp đồng tín dụng là 3.146.141.608 đồng.

2. Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc 800.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 04 đồng (giấy vay nợ), lãi phạt 975.479.707 đồng và rút yêu cầu khởi kiện xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng 1.548m$^2$ đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 353, tờ bản đồ số 30 tại thôn HL, xã HP, huyện AD, thành phố Hải Phòng.

*Bị đơn Công ty HBM và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn H*:

Trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của SB.

*Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:*

Tại Bản án sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 21/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng đã căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 355, 357, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 14 Điều 4, các điều 90, 91, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng, xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của SB đối với Công ty HBM, buộc: Công ty HBM phải có nghĩa vụ thanh toán cho SB số tiền nợ lãi quá hạn tính đến hết ngày 20/6/2019 là 3.146.141.608 đồng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 280110811101/HĐTD-HM/2011 ngày 29/8/2011. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, Công ty HBM còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của SB đối với Công ty HBM đã rút về số tiền nợ gốc 800.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 04 đồng, lãi phạt 975.479.707 đồng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng 1.548m$^2$ đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 353, tờ bản đồ số 30 tại thôn HL, xã HP, huyện AD, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB165184, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH.00003 do Ủy ban nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng cấp ngày 15/6/2010 cho ông Phạm Văn H.

Sau khi xét sử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, nhưng ngày 22/7/2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định kháng nghị số 09/QĐKNPT-VKS-KDTM kháng nghị đối với Bản án số 03/2019/KDTM-ST ngày 21/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng.

*Nội dung Quyết định kháng nghị*: Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm theo hướng sửa một phần bản án sơ thẩm, không áp dụng lãi suất chậm thi hành án đối với khoản nợ lãi quá hạn bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- *Nguyên đơn:* SB thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện do có sự tính toán nhầm lẫn nên chênh lệch tăng thêm số tiền lãi quá hạn là 24.666.660 đồng. Vì vậy, SB thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho SB số tiền lãi là 3.121.474.948 đồng chứ không phải là 3.146.141.608 đồng như yêu cầu khởi kiện ban đầu, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của SB.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và phát biểu ý kiến về nội dung kháng nghị:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình vắng mặt tại phiên tòa.

- Về nội dung kháng nghị: Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với việc buộc bị đơn phải thanh toán khoản tiền lãi quá hạn 3.146.141.608 đồng cơ bản là có căn cứ. Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về lãi suất chậm thi hành án: *"Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, Công ty HBM còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác"* là không rõ ràng, cụ thể, không đúng theo quy định của pháp luật, bởi lẽ:

+ Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết HĐTP số 01 ngày 11/01/2019 về việc Áp dụng pháp luật về lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng, thì: Phần quyết định của bản án tranh chấp hợp đồng tín dụng nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2015 (mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015) để xác định lãi, lãi suất chậm thi hành án là trái với quy định này.

+ Tại đoạn cuối phần quyết định về lãi suất chậm thi hành án, Bản án sơ thẩm có ghi*: "... trừ trường hợp pháp luật có quy định khác",* dẫn đến có nhiều quan điểm nhận thức khác nhau, đoạn trừ trường hợp pháp luật có quy định khác là dự liệu tương lai pháp luật có quy định khác nên không thể xác định được cụ thể khi tuyên án.

Như vậy là việc tuyên lãi suất chậm trả tiền trong giai đoạn thi hành án tại bản án sơ thẩm có phần khó hiểu do chưa rõ ràng, cụ thể dẫn tới có khả năng phát sinh khó khăn, vướng mắc cho việc thi hành bản án (khi bị đơn chậm trả khoản nợ lãi quá hạn).

- Mặt khác, căn cứ các quy định của Luật các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật các tổ chức tín dụng: Đối với khoản nợ lãi quá hạn của hợp đồng tín dụng nếu các bên có thỏa thuận về

lãi suất chậm trả thì cũng không đúng pháp luật, không được chấp nhận vì đây là lãi chồng lãi (tương tự như sự kiện pháp lý trong Án lệ số 11/2017/AL).

Tại Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 quy định: *"...Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này...Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay".* Tại khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 về lãi suất cho vay quy định:… Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc hoặc lãi vay theo thỏa thuận thì phải trả: ... lãi chậm trả theo thỏa thuận nhưng không vượt quá 10% tính trên dư lãi chậm trả (là lãi trên nợ gốc)...;

Việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị đơn tiếp tục phải chịu lãi suất (chậm thi hành án) đối với khoản nợ lãi quá hạn 3.146.141.608 đồng là trái với quy định của pháp luật, gây ra sự mất công bằng cho đương sự trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ, Viện kiểm sát nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm còn có sai sót trong việc xác định số tiền lãi quá hạn bị đơn phải trả cho nguyên đơn như sau: Phiếu tính lãi quá hạn tính đến ngày 20/6/2019 (BL 247) lãi suất chuyển nợ quá hạn áp dụng cho thời điểm từ 02/5/2012 đến 01/5/2013 là 35,250% (tăng 1,5%/năm), theo đó tăng số tiền lãi quá hạn bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 24.266.666 đồng (1.600.000.000*1,5%/360*364). Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn phải trả khoản lãi quá hạn là 3.121.874.941 đồng (giảm 24.666.660 đồng do đã tính lãi quá hạn theo mức lãi suất không chính xác). Xét thấy việc thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện không trái pháp luật nên có thể chấp nhận đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, chấp nhận việc nguyên đơn thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện, căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa một phần Bản án sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 21/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa.

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng được ký giữa hai bên đều có đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt bị đơn: Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thay đổi yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa phúc thẩm SB tự nguyện thay đổi yêu cầu khởi kiện, rút một phần tiền lãi quá hạn là 24.666.660 đồng. SB chỉ còn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi quá hạn là 3.121.474.948 đồng.

- *Xét quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa:*

[4] Theo hợp đồng tín dụng, các phụ lục hợp đồng và quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 08/4/2019, Công ty HBM đã trả SB tổng số tiền vay tại các giấy nhận nợ ngày 29/12/2011 và 10/01/2012 là 2.705.905.196 đồng, trong đó: nợ gốc 2.400.000.000 đồng, lãi và phí là 305.905.196 đồng. Công ty HBM đã trả xong toàn bộ nợ gốc, một phần nợ lãi và còn nợ SB số tiền lãi tính đến hết ngày 20/6/2019 là: 4.121.621.319 đồng, trong đó: lãi trong hạn 04 đồng, lãi quá hạn 3.146.141.608 đồng và lãi phạt chậm trả lãi 975.479.707 đồng. SB đã rút phần yêu cầu lãi phạt chậm trả và tại phiên tòa phúc thẩm SB thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 24.666.660 đồng. Như vậy, Ngân hàng chỉ yêu cầu Công ty HBM phải thanh toán số tiền lãi là 3.121.474.948 đồng. Việc thay đổi một phần yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, tuy bị đơn không có mặt tại phiên tòa nhưng việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này là có lợi cho bị đơn nên cần chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm.

[5] SB khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty HBM phải trả cho SB toàn bộ khoản nợ lãi quá hạn tính đến hết ngày 20/6/2019 theo Hợp đồng tín dụng, các phụ lục hợp đồng, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bị đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Như phân tích trên thì Công ty HBM còn phải thanh

toán trả SB số tiền nợ lãi quá hạn tính đến hết ngày 20/6/2019 là 3.121.474.948 đồng.

[6] Về phần tuyên lãi suất chậm thi hành án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên tại phần quyết định của bản án: "…Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, Công ty HBM còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác…". Nhưng theo Án lệ số 08/2016 ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn: *"Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay".*

[7] Đối với vụ án này số tiền nợ gốc và lãi trong hạn đã được các bên thanh toán xong nên không thể áp dụng án lệ để tuyên phần lãi suất chậm thi hành án. Hợp đồng tín dụng đã được thanh lý và chỉ còn chốt khoản tiền lãi quá hạn, đồng thời các bên không có thỏa thuận nào khác đối với việc thanh toán số tiền lãi suất quá hạn 3.121.474.948 đồng.

[8] Như vậy cần phải áp dụng điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn, áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm khi gải quyết các vụ án...kinh doanh thương mại...để quyết định phần lãi, lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trong bản án.

[9] Nhưng đối với giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng nói chung thì tại Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn, áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm đã hướng dẫn cụ thể cách tính lãi và áp dụng dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn chi tiết Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự 2005, Bộ luật Dân sự 2015 để xác định lãi, lãi suất.

[10] Từ những phân tích như trên, Hội đồng xét xử thấy kháng nghị của Viện kiểm sát cũng có phần có căn cứ, cần chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng. Nhưng để thống nhất áp dụng pháp

luật đối với yêu cầu khởi kiện về phần lãi quá hạn của SB như phân tích trên và phù hợp hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn, áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm cho đến khi có hướng dẫn cụ thể về yêu cầu khởi kiện tương tự thì cần chấp nhận phần tuyên lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên tại phần quyết định của bản án. Nhưng sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm về phần SB thay đổi yêu cầu khởi kiện và phần án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, đình chỉ phần thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện của SB đối với số tiền 24.666.660 đồng, các phần khác của bản án được giữ nguyên.

- *Về án phí kinh doanh thương mại:* Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[11] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty HBM phải chịu 94.429.499 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. SB không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện và đối với phần thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện.

[12] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Các đương sự không kháng cáo nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 147, Điều 148, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 355, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 14 Điều 4, Điều 90, Điều 91, Điều 95, Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Xử**: Chấp nhận một phần quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần SG-HN (SB) đối với Công ty TNHH HBM, cụ thể:

1. Buộc Công ty TNHH HBM phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SG-HN số tiền nợ lãi quá hạn tính đến hết ngày 20/6/2019 là 3.121.474.948 *(Ba tỷ một trăm hai mươi mốt triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm bốn mươi tám)* đồng (tính theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 280110811101/HĐTD-HM/2011 ngày 29/8/2011).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Ngân hàng Thương mại Cổ phần SG-HN) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (Công ty TNHH HBM) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần SG-HN đối với Công ty TNHH HBM đã rút về số tiền nợ gốc 800.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 04 đồng, lãi phạt 975.479.707 đồng, khoản tiền rút tại phiên tòa phúc thẩm là 24.666.660đồng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng 1.548m$^2$ đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 353, tờ bản đồ số 30 tại thôn HL, xã HP, huyện AD, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB165184, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH.00003 do Ủy ban nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng cấp ngày 15/6/2010 cho ông Phạm Văn H.

3. Đình chỉ phần thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần SG-HN đối với số tiền 24.666.660 đồng.

3. Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH HBM phải nộp 94.429.499 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần SG-HN không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội số tiền 56.350.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện AD theo Biên lai số 0015474 ngày 10/12/2018.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện AD;
- TAND huyện AD;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Thu Hà**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thu Thủy** **Lương Thị Hải Hà** **Vũ Thị Thu Hà**